



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL. #: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Ho Dang Cang
Last Middle First

Current Address: Thon 1, Thuy Duong, Hue, Binh Tri Thien

Date of Birth: 10/01/34 Place of Birth: Hue

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/06/75 To 10/05/86
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Truong Van Huy
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : HO Dang Canh
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 10 01 1989
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): x Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): x
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : Thon I Thuy Duong, Hue, Binh Tri Thien, Vietnam
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) x No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 06-06-75 To (Den): 5 Oct.1986

PLACE OF RE-EDUCATION: Binh-Dien, Hue, Vietnam
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Military

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): N.A.

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Major

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Executive officer, 312 Direct
Support Regiment Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): x
IV Number (So ho so):
No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Thon I Thuy Duong, Hue, Binh Tri Thien
Vietnam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Truong Van Huy

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong): x

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): brother

NAME & SIGNATURE: Hoa Le,

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: 07 25 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Ho Dang Can
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Truong Thi Hay	14 Jun. 46	wife
Ho Thi Minh Hang	15 Sep. 59	daughter
Ho Dang Minh	01 Jan. 63	son
Ho Thi Minh Trang	09 Oct. 66	daughter
Ho Dang Quang	30 Nov. 68	son
Ho Thi Minh Tram	18 May 72	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

same

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : HO Dang Canh
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 10 01 1989
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): x Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): x
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : Thon I Thuy Duong, Hue, Binh Tri Thien, Vietnam
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) x No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): 06-06-75 To (Den): 5 Oct.1986

PLACE OF RE-EDUCATION: Binh-Dien, Hue, Vietnam
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Military

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): N.A.

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Major

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Executive officer, 312 Direct Support Regiment Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): x
IV Number (So ho so):
No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Thon I Thuy Duong, Hue, Binh Tri Thien Vietnam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
Truong Van Huy

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong): x

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): brother

NAME & SIGNATURE: Hoa Le,

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: 07 25 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Ho Dang Can
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Truong Thi Hay	14 Jun. 46	wife
Ho Thi Minh Hang	15 Sep. 59	daughter
Ho Dang Minh	01 Jan. 63	son
Ho Thi Minh Trang	09 Oct. 66	daughter
Ho Dang Quang	30 Nov. 68	son
Ho Thi Minh Tram	18 May 72	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

same

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Cửu Thiên là HỒ ĐĂNG CẢNH

BỘ NỘI VỤ

Trên đây là

GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

WKS

Đã có 02-0176, ban hành theo đúng văn số 1546 ngày 21 tháng 8 năm 1972

RELEASE CERTIFICATE
GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-ĐCA/TT ngày 31-8-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 133 ngày 21 tháng 9 năm 1966
của ỦY BAN TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Vay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây

Họ, tên khai sinh Hồ Đăng Cảnh Sinh năm 1940

Các tên gọi khác

Nơi sinh Xã Dương - Hương Phố - Bình Trị Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Thị trấn Dương - Hương Phố - Bình Trị Thiên

Cán bộ Thị trấn Tây Liên đoàn phá sản tại trại giam C/M - 0 làm

Bắt bắt ngày 6/6/1975 Án phạt 2102

Theo quyết định, án văn số 10 ngày 20 tháng 4 năm 1975 của

Trưởng Ban chấp hành trại giam C/M - 0

Đã bị tước án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại Thị trấn Dương - Hương Phố - Bình Trị Thiên

Nhận xét quá trình cải tạo

an tâm cải tạo, lao động bình thường

chấp hành mọi quy định trại tốt

xếp loại cải tạo: Tốt

Đường sự phải trình diện tại UBND phường xã: _____

Trước ngày 7 tháng 10 năm 1976

Lưu tại ngân hàng

Cán bộ Hồ Đăng Cảnh

Đã có bản số 5292

Lưu tại _____

Đã, theo, cho họ
người được cấp giấy

Ngày tháng năm 1976
Trưởng trại

Hồ Đăng Cảnh

Trưởng trại

Headquarters
U. S. Army Signal School
Fort Monmouth, New Jersey



This is to certify that

FIRST LIEUTENANT RO DARG CASE

Army of the Republic of Vietnam

has satisfactorily completed the prescribed subcourses
for the

Associate Signal Company Officer Course

at the U. S. Army Signal School during the period

2 May 1960 to 29 July 1960

and has been awarded a diploma of graduation

For the Commandant:

CHARLES H. FIERCE
CWO, W-2, USA
Assistant Secretary

CHỖ ĐÓNG CHỮ Ở CÁI HỘ

Tên	Chợ gạo đã chuyển đến
Tên người bán hàng năm 196	Ký tên đóng dấu
Tên người bán hàng năm 196	Ký tên đóng dấu

CHỖ THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHẬN KHẨU THƯƠNG TÀI

Số

Họ và tên chủ hộ

Sinh

Thôn

Xã

Thị trấn phố Huế - Tỉnh Bình Trị Thiên

Ngày

Tên

Ký

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ HOUSEHOLD CENSUS BOOK

Họ và tên Số và nơi cấp giấy C.M.N.D	Ngày tháng năm sinh	Quan hệ với chủ hộ hoặc người trưởng hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số và nơi cấp giấy C.M.N.D	Ngày tháng năm đăng ký	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên và chức vụ của người ghi danh
1. <u>Trần Văn Hùng</u>	<u>1946</u>	<u>Chủ hộ</u>	<u>Buôn bán</u>		<u>1984</u>		
2. <u>Hồ Văn Minh</u>	<u>1967</u>	<u>Con</u>	<u>Học sinh</u>		<u>II</u>		
3. <u>Hồ Văn Minh</u>	<u>1968</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
4. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1966</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>	<u>Đi học ở trường</u>	
5. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1970</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
6. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1972</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
7. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1974</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
8. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1976</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
9. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1978</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
10. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1980</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
11. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1982</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
12. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1984</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
13. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1986</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
14. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1988</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
15. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1990</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
16. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1992</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
17. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1994</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
18. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1996</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
19. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>1998</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
20. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2000</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
21. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2002</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
22. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2004</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
23. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2006</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
24. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2008</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
25. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2010</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
26. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2012</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
27. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2014</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
28. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2016</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
29. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2018</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		
30. <u>Hồ Văn Hùng</u>	<u>2020</u>	<u>Con</u>	<u>II</u>		<u>II</u>		



MJ. HO DANG CANH
SN. 54/203081



MAJOR BATTALION COMMANDER (1973-75)
611 SUPPORT SIGNAL BATTALION

500 Thomas Chapel
Arlington, Texas 76014
25 May 1989

Orderly Departure Program
American Embassy Bangkok
Box 58
APO San Francisco 96346-0001

Sir/Madam:

Enclosed please find the Affidavit of Relationship filed for my sister, Truong Thi Hay, and her family. Her husband is a former Major who has spent 11 years and 4 months in the Reeducation Camp, and was released in 1986.

Please assist them to come to the United States joining me after over 10 years of separation.

If more information/document is needed, please notify me or the United States Catholic Conference.

Any assistance you provide for this case would be most appreciated.

Sincerely,



Truong Van Huy

- Enc. - Affidavit of Relationship and copy of my Green Card
- Questionnaire for Ex-political prisoner in Vietnam
 - Pictures
 - MC and MCT
 - BC and BCT (7)
 - Diploma from Signal School
 - Release Certificate
 - Certificate of Permanent Ration
 - Vietnamese ID cards (3)



ORDERLY DEPARTURE PROGRAM
AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF FORT WORTH, TEXAS

ODP # _____

(if known)

DATE FILED 28 March 1989

SECTION I:

I am filing the Affidavit for the following relative(s) still in Vietnam to come to the United States under the Orderly Departure Program (ODP):

NAME AND A/K/A (underline family name)	SEX	PLACE/DATE OF BIRTH (If Known)	RELATION TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
1- <u>Ho Dang Canh</u>	<u>M</u>	<u>Vietnam, 01 Oct. 1934</u>	<u>Brother-in-law</u>	<u>Thon I Thuy-Duong,</u>
2- <u>Truong Thi Hay</u>	<u>F</u>	<u>Vietnam, 14 Jun. 1946</u>	<u>Sister</u>	<u>Hue, Binh Tri Thien,</u>
3- <u>Ho Thi Minh Hang</u>	<u>F</u>	<u>Vietnam, 15 Sep. 1959</u>	<u>Niece</u>	<u>Vietnam</u>

(To be continued - Please see back page)

SECTION II:

Your name Truong, Huy Van

(and A/K/A)

Date of birth 20 August 1949 Sex M

Place of birth

(Include Country) Hue, Vietnam

Current address _____

Phone Number (home) _____

(work) _____

Country of first asylum Hongkong

Date you arrived in the U.S. 09-28-87

Social Security Number _____

Agency through which you came to the United States USCC

Alien Number (if applicable) _____

A25-268-585

Your U.S. Immigration Status

(Check one):

() U.S. Citizen

(X) Permanent Resident

() Refugee

() Asylee

() Other (Please Explain): _____

Your Original Case Number: _____

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting this affidavit Yes X No. If yes, date submitted: _____ and date approved: _____

YOU MUST INCLUDE A COPY OF BOTH SIDES OF YOUR I-94 OR YOUR PERMANENT RESIDENT ALIEN CARD (I-151, I-551, GREEN CARD). WITHOUT THESE DOCUMENTS, YOUR AFFIDAVIT IS NOT VALID.

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees, persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoners; or Amerasians, please complete the information in Sections III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian American.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT	DATE/ PLACE OF BIRTH	RELATION (if any)	ADDRESS IN VIETNAM
-----------------------------	-------------------------	-------------------	-----------------------

N.A.

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant) N.A.

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

U.S. Government Agency: _____

Last Title/Grade: _____

Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION: N.A.

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation: _____

Last Title/Grade: _____

Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit: _____

Last Title/Grade: _____

Major (312 Direct Support Regiment

Name/Position of Supervisor: Colonel Ngo Minh Chau

First Logistic Command-ICorps.
APC. 4783)

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes X No _____ Date: From 6-6-75 to 5 Oct. 1986

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School US Signal Army School

Location Ft. Monmouth, New Jersey

Type of Degree or Certificate Associate Signal Company Officer

Date Employment or Training: from (month/year) 2 May 60 to (month/year) 29 July 1960

ASIAN AMERICANS

N.A.

Single _____

Married _____

Male _____

Female _____

Full Name of the Mother: _____

Address: _____

Full Name of the U.S. Citizen Father: _____

His current address: _____

SECTION IV:

NAMES OF DEPENDENT/
ACCOMPANYING RELATIVES

DATE OF BIRTH

RELATIONSHIP TO P.A.

4-Ho Dang Minh

01 Jan. 1963

son

5-Ho Thi Minh-Trang

09 Oct. 1966

Daughter

6-Ho Dang Quang

30 Nov. 1968

Son

7-Ho Thi Minh-Tram

18 May 1972

Daughter

ADDITIONAL INFORMATION:

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Your Signature _____

Subscribed and sworn to me before this 25 day
of May, 1989

Stamp or Seal of Notary _____

Signature of Notary Public _____

My commission expires: _____



NGUYEN THI-HOA LE, Notary Public
In and for the State of Texas
My Commission Expires 06-14-90

SECTION V: AGENCY REPRESENTATIVE WHO ASSISTED IN PREPARING THIS AFFIDAVIT

Print Name Legibly _____

Eldon R. Hager

Signature _____

QUESTIONNAIRE FOR EX. POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

A. BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIETNAM

1. Full name of ex. Political Prisoner : HO DANG CANH
2. Date of Birth : Oct. 01. 1934.
3. Place of Birth : Duong Pham - Huong Thuy - THUA THIEN
4. Position, Rank (Pre-April 1975 Government) : MAJOR
Executive officer of 312 - Direct Support Regiment - APO. 4783
First Logistic command of I. CORPS - RVNAF.
5. Military Serial number : 54/203081
6. Date arrested : June 06. 1975 - Date out of reeducated camp: Oct. 05. 1986
7. Photocopy of Release Certificate : Release Certificate by Decision 133 - of Sept. 21. 86
8. Residence address : THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN
9. Mailing Address : Mr. TRUONG VAN HUY
500 - THOMAS CHAPEL - ARLINGTON - TEXAS. 76014 - USA.
10. Current occupation : Housekeeping.

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME:

No.	NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	SEX	MARITAL STATUS	RELATIONSHIP
1	TRUONG THI HAY	June 14 - 1946	Phu binh - THUA THIEN	F	M	Wife
2	HOTHI MINH HANG	Sept. 15 - 1959	Hoa Dang - QUANG NAM	F	M	Daughter
3	HO DANG MINH	Jan. 01 - 1963	Hai Chau - DANANG	M	S	Son
4	HO THI MINH TRANG	Oct. 09 - 1966	An Chau - HUE	F	S	Daughter
5	HO DANG QUANG	Nov. 30 - 1968	Hai Chau - DANANG	M	S	Son
6	HO THI MINH TRAM	May 18 - 1972	Hai Chau - DANANG	F	S	Daughter

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

NAME	RELATIONSHIP	ADDRESS
1. TRUONG VAN HUY	Brother-in-law	
2. NGUYEN VAN NAM	Cousin	
3. TRAN VAN THONG	Cousin	

D. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/ DEAD)

- | | ADDRESS |
|-----------------------------|--|
| 1. Father : HO DANG BONG | (Dead) |
| 2. Mother : NGUYEN THI CHAU | THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN |
| 3. Spouse : TRUONG THI HAY | THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN |
| 4. Children: | |
| - HO THI MINH NGUYET | THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN |
| - HOTHI MINH HANG | THANH NOI - HUE - BINH TRI THIEN |
| - HO DANG MINH | THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN |
| - HO THI MINH TRANG | THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN |
| - HO DANG QUANG | THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN |
| - HO THI MINH TRAM | THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN |
| 5. Siblings : | |
| - HO THI MAU | THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN |
| - HO DANG CHONG | BINH DUONG |
| - HO THI CHAU | THANH NOI - HUE - BINH TRI THIEN |
| - HO THI HOA | NHA TRANG |
| - HO THI HUE | (Dead) |
| - HO DANG DIEP | SONG MAO - PHAN THIET |
| - HO DANG LONG | (Dead) |
| - HO THI GAI | THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN |
| - HO DANG LAN | THON 1 - THUY DUONG - HUE - BINH TRI THIEN |

E. EMPLOYMENT BY U.S. AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

(None)

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE.

1. Name of Person Serving : HO DANG CANH
2. Date : From Oct. 01. 1954 TO April 30. 1975
3. Last Rank : MAJOR - SN: 54/203081
4. Military Unit : 312 DIRECT SUPPORT REGIMENT
FIRST LOGISTIC COMMAND - I CORPS. APO. 4783
5. Name of Supervisor/CO : COLONEL : NGO MINH CHAU.
COMMANDER - FIRST SUPPORT LOGISTIC COMMAND - I CORPS - APO. 4783
6. Reason for separation : April 30. 1975. EVE IT OF RVN GOVERNMENT
7. Name of American advisor
- W/O Class 2. RICHARDSON (1968-70) advised for 611 Signal Battalion. APO. 4466
- MAJOR FROST (1971-72) advised for 611 Signal Battalion APO. 4466

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE.

1. Name of Student : HO DANG CANH - SN. 54/203081
2. School and School Address : U.S. SIGNAL/ARMY SCHOOL
HEADQUARTER - FORT ALONMOUTH - NEW JERSEY
3. Date From : May 2. 1960 TO : July 29. 1960
4. Description of course : ASSOCIATE SIGNAL COMPANY OFFICER
5. Who paid for training : U.S. MILITARY AID PROGRAM (MAP)

H. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE.

1. Name of Person in Reeducation : HO DANG CANH
2. Time in Reeducation : 11 years and 4 months
From : June 06. 1975 To : Oct. 05. 1986.

I. ANY ADDITIONAL REMARKS

1. It is necessary to note the incorrect year of Birth 1940 which, in my release certificate, was typed wrongly by VC. cadre in my reeducated camp, and to note my correct year of Birth of 1934 in my Birth certificate.
2. All my personnel documents pertaining to RVNAF Service (ID. card, training certificates, awards, commendations, Medals from US. Government and from RVN Government) were lost by April 30-1975'S EVENT OF RVN. GOVERNMENT.
3. Only, my job photograph proves me that I was Major Battalion Commander of 611 Signal Battalion - APO. 4466.
My signal certificate from US. Army Signal School in New Jersey and my release certificate, are my proofs to request the IV. file number and the LOI to leave SRVN soon.

K. LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

Enclosed are copies of:

1. Release Certificate
2. Job photograph
3. Signal Certificate at New Jersey
4. Birth Certificate of H.D. CANH
5. Birth Certificate of T.T. HAY
6. Marriage Certificate (CANH + HAY)
7. Birth Certificate of M. HANG
8. Birth Certificate of H.D. MINH
9. Birth Certificate of M. TRANG
10. Birth Certificate of H.D. QUANG
11. Birth Certificate of M. TRAM
12. Household Census book
13. Post. 1975 Government ID cards (3 each) of names (HAY, MINH, QUANG)
14. ID. card photograph (5 each) of names (CANH, HAY, MINH, QUANG, TRAM)

Thank You for your consideration

Respectfully and Sincerely,

Signature

Date...

Sept. 15. 1988

CANH

CANH, DANG HO



HỒ HẸNG CANH

1 - 10 - 1934.
